

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-6-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mên

2. Ông Trần Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về tranh Chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Minh C, sinh năm 1990; Thường trú: Tổ M, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi ở hiện nay: Số M, đường số H, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Giang Thị Thanh Th, sinh năm 1990; Thường trú: Tổ M, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người giám hộ đương nhiên của bị đơn chị Giang Thị Thanh Th: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà B đường B, tổ M, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Anh C, bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Minh C trình bày:

Anh C và chị Giang Thị Thanh Th tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 02 năm thì kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2016 ngày 09/5/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh C tại số M, đường số H, tổ M, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đến tháng 9 năm 2016, vợ chồng về sống tại nhà riêng tại địa chỉ tổ M, thôn B, xã Đ (nay là tổ M, thôn M, xã N), huyện Đ. Tại thời điểm kết hôn, chị Th còn tỉnh táo, bình thường. Đến ngày 19 tháng 3 năm 2017, chị Th sinh con đầu lòng. Sau đó khoảng hơn 10 ngày, chị Th có biểu hiện không bình thường, thường nói với anh C đem con về nuôi đi chứ chị Th không nuôi nữa, chị Th thường khóc, không giao tiếp gì với những người xung quanh, hỏi gì trả lời đó, không chủ động nói chuyện gì với ai. Do Anh C không hiểu biết nên không nghĩ rằng chị Th Có gì bất thường. Đến sáng ngày 07/4/2017, chị Th ở nhà một mình, mẹ ruột chị Th đi chợ, Anh C đi làm. Chị Th đã mang con bỏ xuống giếng nhà hàng xóm nhưng không ai phát hiện. Công an đã đưa chị Th đi giám định tâm thần tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa, chị Th ở Viện 3 tuần, rồi về nhà 01 tháng. Sau đó, Công an tỉnh Bình Thuận đưa đi chữa bệnh bắt buộc cho đến nay theo Quyết định số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Vì vậy, Anh C đã làm đơn yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với chị Th và được Tòa án ban hành Quyết định số 20/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 tuyên bố chị Th là người mất năng lực hành vi dân sự.

Trong suốt thời gian chị Th nhập viện điều trị tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Anh C vì đi làm nên không có nhiều thời gian vào thăm chị Th, chị Th Cũng không thể chăm lo cho hạnh phúc gia đình như những người phụ nữ khác. Mỗi lần vào thăm chị Th, Anh C nhận thấy tinh thần chị Th không bình thường. Thời gian đã quá dài và bản thân Anh C không còn tình cảm với chị Th.

Nay Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, Anh C yêu cầu được ly hôn với chị Giang Thị Thanh Th.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn giải quyết vắng mặt ngày 29/6/2022, người giám hộ đương nhiên của bị đơn chị Giang Thị Thanh Th là Bà Nguyễn Thị H trình bày: Anh C và con gái bà là chị Giang Thị Thanh Th kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2016 ngày 09/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của Anh C tại số M, đường số H, tổ M, thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đến tháng 9 năm 2016, 02 vợ chồng về sống tại nhà riêng tại địa chỉ tổ M, thôn B, xã Đ (nay là tổ M, thôn M, xã N), huyện Đ. Năm 2017, con gái bà là chị Th mang con bỏ xuống giếng nhà hàng xóm nhưng không ai phát hiện. Công an đã đưa chị Th đi giám định tâm thần tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa, sau đó, Công an tỉnh Bình Thuận đưa đi chữa bệnh bắt buộc cho đến nay theo Quyết định số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Ngày 30/11/2021, Tòa án ban hành Quyết định số 20/2021/QĐST-DS tuyên bố chị Th là người mất năng lực hành vi dân sự. Hiện nay chị Giang Thị Thanh Th vẫn đang điều

trị tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa. Nếu Anh C, chị Th không thể xây dựng gia đình hạnh phúc được với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Chị được ly hôn.

Ngày 29/3/2022, Tòa án xác minh thông tin về cha, mẹ của bị đơn chị Giang Thị Thanh Th tại Ủy ban nhân dân xã N và được cung cấp: Chị Giang Thị Thanh Th là người mất năng lực hành vi dân sự đang điều trị tại bệnh viện tâm thần Biên Hòa. Mẹ của chị Th là Bà Nguyễn Thị H, cha là ông Giang T1. Năm 2018, ông T1 chết và được đăng ký theo Giấy chứng tử số 10 năm 2018. Hiện nay bà H đang cư trú tại địa chỉ Tổ M, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 06/6/2022, Tòa án xác minh thông tin đăng ký kết hôn của chị Giang Thị Thanh Th và anh Võ Minh C tại Ủy ban nhân dân xã N và được cung cấp: Ngày 09/5/2016, chị Th và Anh C có đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Vì có đủ các điều kiện kết hôn và nộp đủ các loại giấy tờ cần thiết theo quy định của pháp luật nên được bộ phận tư pháp - hộ tịch ghi thông tin lưu vào sổ sách đăng ký kết hôn số 30 ngày 09/5/2016 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 09/5/2016. Kèm theo là 01 bản phô tô trang số 30 quyển số 01, thứ tự số 30 của sổ đăng ký kết hôn năm 2016 có chữ ký của Anh C và chị Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người giám hộ đương nhiên của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt do đó căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, người giám hộ đương nhiên của bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2016 chị Th, Anh C kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Từ năm 2017, chị Th nhập viện điều trị tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa cho đến nay. Năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 20/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 tuyên bố chị Th là người mất năng lực hành vi dân sự. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của chị Th và Anh C không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay Anh C yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung: Vợ chồng không có con chung và về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu, vì vậy Tòa án không giải quyết là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, người giám hộ đương nhiên của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều

238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, người giám hộ đương nhiên của bị đơn.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Giang Thị Thanh Th là người mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 20/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Theo quy định tại Điều 69, 85, 88 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 46, 47, 53 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chỉ định người giám hộ đương nhiên cho chị Giang Thị Thanh Th là cha, mẹ của chị Th tham gia tố tụng trong vụ án. Theo biên bản xác minh ngày 29/3/2022, Tòa án được Ủy ban nhân dân xã N cung cấp: Mẹ của chị Th là Bà Nguyễn Thị H, cha là ông Giang T1. Năm 2018, ông T1 chết và gia đình đã đăng ký theo Giấy chứng tử số 10 năm 2018. Hiện nay bà H đang cư trú tại địa chỉ Tổ M, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án chỉ định người giám hộ đương nhiên cho chị Th tham gia tố tụng trong vụ án là Bà Nguyễn Thị H là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2016 ngày 09/5/2016 được Ủy ban nhân dân xã N cấp không có chữ ký của anh Võ Minh C và chị Giang Thị Thanh Th. Tòa án đã xác minh thông tin đăng ký kết hôn của chị Th và Anh C tại Ủy ban nhân dân xã N và được cung cấp: Ngày 09/5/2016, chị Th và Anh C có đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Vì có đủ các điều kiện kết hôn và nộp đủ các loại giấy tờ cần thiết theo quy định của pháp luật nên được bộ phận tư pháp - hộ tịch ghi thông tin lưu vào sổ sách đăng ký kết hôn số 30 ngày 09/5/2016 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 09/5/2016. Kèm theo là 01 bản phô tô trang số 30 quyển số 01, thứ tự số 30 của sổ đăng ký kết hôn năm 2016 có chữ ký của Anh C và chị Th. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Anh C và chị Th là hợp pháp.

[4] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời trình bày của Anh C và bà H, vào năm 2017, vì chị Th mang con bỏ xuống giếng nên Công an tỉnh Bình Thuận đã đưa chị Th đi chữa bệnh bắt buộc tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa cho đến nay theo Quyết định số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Năm 2021, Anh C đã làm đơn yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với chị Th và được Tòa án ban hành Quyết định số 20/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 tuyên bố chị Th là người mất năng lực hành vi dân sự. Anh C trình bày, trong suốt thời gian chị Th nhập viện điều trị tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Anh C vì đi làm nên không có nhiều thời gian vào thăm chị Th, chị Th Cũng không thể chăm lo cho hạnh phúc gia đình như những người phụ nữ khác. Mỗi lần vào thăm chị Th, Anh C nhận thấy tinh thần chị Th không bình thường. Thời gian chị Th điều trị bệnh đã quá dài và bản thân Anh C không còn tình cảm với chị Th nên yêu cầu được ly hôn với chị Th. Bên cạnh đó, bà H cũng đồng ý với yêu cầu được ly hôn chị Th của anh C.

[5] Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng đối với nhau, việc sống có trách nhiệm, quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn

nhau. Căn cứ vào Quyết định số 20/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 thì chị Th đã được Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự. Như vậy, chị Th mất năng lực hành vi dân sự đã nhiều năm nên không đảm bảo các yếu tố trong quan hệ hôn nhân như trên, mục đích hôn nhân của anh Chị không đạt được, nên xác định đây không phải là một gia đình hạnh phúc. Việc Anh C khởi kiện xin ly hôn với chị Th để xây dựng hạnh phúc mới cho mình là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với pháp luật và đạo lý. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh C đối với chị Th là có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của anh Võ Minh C đối với chị Giang Thị Thanh Th. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Minh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 69, Điều 85, Điều 88, Khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 46, 47, Điều 53 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh C đối với chị Giang Thị Thanh Th về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Minh C được ly hôn với chị Giang Thị Thanh Th.

1.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Võ Minh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009048 ngày 27/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh Võ Minh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, người giám hộ đương nhiên của bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Mỹ Dung